

Số: 301/QĐ-BVĐKY

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA YERSIN NHA TRANG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 217/QĐ-BVĐKY ngày 24/7/2024 của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang về việc ban hành Quy chế công khai tài chính tại Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang (*Phụ lục chi tiết đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tài chính – kế toán và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (VBĐT);
- Ban Giám đốc (VBĐT);
- Lưu: VT, TCKT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

BÙI THỊ THANH VINH

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang
Chương: 423

QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

*(Đính kèm Quyết định số 301/QĐ-BVĐKY ngày 12/6/2026
của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang)*

Dvt: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=4-3)	(6)
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Số thu, chi hoạt động sự nghiệp, cung ứng dịch vụ				
1	Thu hoạt động sự nghiệp y tế	73.550,7	73.550,7		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	- Thu Khám chữa bệnh BHYT + viện phí	68.643,7	68.643,7		
	- Thu từ hoạt động dịch vụ khác	4.907	4.907		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp y tế	57.295,2	57.295,2		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.104,7	7.104,7		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	7.104,7	7.104,7		
	Loại 130 – khoản 132				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (tự chủ)	5.800	5.800		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (không tự chủ)	511,2	511,2		
	Loại 130 – khoản 131				
4.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (không tự chủ)	5,6	5,6		
	Loại 070 - khoản 085				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (không tự chủ)	787,9	787,9		